TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘ ĐỨC** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trường Chinh

2. Bà Nguyễn Thị Thu Dung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Bích Thuyền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim C, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu dân cư số 7, tổ dân phố 4, thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2021 và các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Kim C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi ngày 01/7/2011. Sau khi kết hôn, do tính tình của vợ chồng không phù hợp, anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến

vợ con nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Do không chung sống được với nhau nên từ hai năm nay chị và anh T đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Ngọc T có 01 con chung là Nguyễn Nhật K, sinh ngày 11/9/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn anh Nguyễn Ngọc T nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc và không tham gia các phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành pháp luật theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228, 144, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Kim C.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim C được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T; về con chung: Giao con chung Nguyễn Nhật K, sinh ngày 11/9/2011 cho chị Võ Thị Kim C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Võ Thị Kim C và anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm chị Võ Thị Kim C khởi kiện thì anh Nguyễn Ngọc T đang cư trú tại Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Kim C là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Kim C vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị Kim C và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi ngày 01/7/2011. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Kim C và anh Nguyễn Ngọc T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Kim C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của nguyên đơn chị Võ Thị Kim C thì sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau do tính tình vợ chồng không hợp, anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con; hiện nay vợ chồng đã sống ly thân được hai năm, không quan tâm đến nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã nhiều lần phân tích, động viên chị Võ Thị Kim C đoàn tụ với anh T, nhưng chị C xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên cương quyết yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Nguyễn Ngọc T, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, anh T biết chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh nhưng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị C, không tham gia phiên hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm. Như vậy, có thể xác định anh Nguyễn Ngọc T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Võ Thị Kim C và anh Nguyễn Ngọc T đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân trong một thời gian dài, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, chị Võ Thị Kim C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Ngọc T là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định: Chị Võ Thị Kim C và anh Nguyễn Ngọc T có 01 con chung là Nguyễn Nhật K, sinh ngày 11/9/2011. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị C yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị Võ Thị Kim C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu Nguyễn Nhật K đang sống cùng với chị C và do chị C trực tiếp chăm sóc; đồng thời, cháu Khánh cũng có văn bản trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ. Đối với anh Nguyễn Ngọc T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T đều không có ý kiến, yêu cầu gì về việc nuôi con. Do đó, để ổn định cuộc sống và các quyền lợi về mọi mặt cho con chung của chị C và anh T, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung của chị C và anh T là cháu Nguyễn Nhật K cho chị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Kim C yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Ngọc T phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đồng. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, việc chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết"*. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị C và chị C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập, khả năng thực tế hiện nay của anh Nguyễn Ngọc T, tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án đến nay, mặc dù anh T biết chị C yêu cầu anh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đồng nhưng anh T cũng không có ý kiến phản đối; ngoài ra, xét chi phí hợp lý cho những nhu cầu thiết yếu hiện nay của người được cấp dưỡng tại địa phương thì việc chị C yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là Nguyễn Nhật K mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Kim C trình bày không có, anh Nguyễn Ngọc T không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc chị Võ Thị Kim C phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp.

Buộc anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim C được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Kim C và anh Nguyễn Ngọc T có 01 con chung là Nguyễn Nhật K, sinh ngày 11/9/2011. Giao con chung Nguyễn Nhật K cho chị Võ Thị Kim C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Nhật K mỗi tháng 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng cho con được tính từ ngày tuyên án (ngày 25/02/2022) cho đến khi con chung Nguyễn Nhật K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Kim C trình bày không có; anh Nguyễn Ngọc T không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Võ Thị Kim C phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000005 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong